

HƯỚNG DẪN

Quản lý và Phát triển Điểm đến
Du lịch Cộng đồng Bền vững theo
Tiêu chuẩn Làng Du lịch Tốt nhất Thế giới
(Best Tourism Villages by UN Tourism)



Tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HƯỚNG DẪN	1
1.1. Bối cảnh và sự cần thiết của việc xây dựng hướng dẫn	1
1.2. Phạm vi áp dụng	2
1.3. Căn cứ xây dựng	2
1.3.1. Căn cứ quốc tế	2
1.3.2. Căn cứ quy định của Việt Nam	2
1.4. Đối tượng sử dụng	3
2. MỤC TIÊU VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỐT LÕI.....	3
2.1. Mục tiêu của Hướng dẫn.....	3
2.1.1. Mục tiêu chiến lược.....	3
2.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	4
2.2. Các nguyên tắc cốt lõi.....	4
2.3. Triết lý của Hướng dẫn.	5
3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ LIÊN QUAN.....	6
4. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN CÁC LĨNH VỰC ĐÁNH GIÁ.....	8
4.1. Tài nguyên văn hóa và tài nguyên tự nhiên	8
4.1.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	8
4.2. Thúc đẩy và bảo tồn tài nguyên văn hóa.....	10
4.2.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	10
4.2.2. Nội dung hướng dẫn	10
4.3. Tính bền vững kinh tế.....	12
4.3.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	12
4.3.2. Nội dung hướng dẫn	13
4.4. Tính bền vững xã hội	14
4.4.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	14
4.4.2. Nội dung hướng dẫn	14
4.5. Tính bền vững môi trường	17
4.5.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	17
4.5.2. Nội dung hướng dẫn	17
4.6. Phát triển du lịch và tích hợp chuỗi giá trị.....	20
4.6.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	20
4.6.2. Nội dung hướng dẫn	20
4.7. Quản trị và ưu tiên cho du lịch.....	24
4.7.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	24
4.7.2. Nội dung hướng dẫn	24
4.8. Hạ tầng và kết nối	28
4.8.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	28
4.8.2. Nội dung hướng dẫn	28
4.9. Y tế, an toàn và an ninh	30

4.9.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất	30
4.9.2. Nội dung hướng dẫn	31
5. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ	32
5.1 Quy trình quản lý	32
5.1.1. Giai đoạn 1: Khảo sát chiến lược và đánh giá mức độ sẵn sàng	33
5.1.2. Giai đoạn 2: Quy hoạch tích hợp và thiết kế chiến lược.....	33
5.1.3. Giai đoạn 3: Thiết lập thể chế và cơ chế quản trị.....	33
5.1.4. Giai đoạn 4: Đầu tư hạ tầng, phát triển sản phẩm.....	34
5.1.5. Giai đoạn 5: Đào tạo và nâng cao năng lực.....	34
5.1.6. Giai đoạn 6: Tiếp thị, vận hành và giám sát hiệu quả.....	34
5.2. Nội dung giám sát và đánh giá.....	36
5.2.1. Các khía cạnh giám sát.....	36
5.2.2. Công cụ thu thập thông tin.....	36
5.2.3. Báo cáo định kỳ.....	37
6. HỖ TRỢ VÀ NGUỒN LỰC	37
6.1. Hỗ trợ từ UN Tourism	37
6.1.1. Mạng lưới Làng Du lịch Tốt nhất (Best Tourism Villages)	37
6.1.2 Chương trình Nâng cấp (Upgrade Programme).....	37
6.1.3. Nền tảng trực tuyến TourismConnectsRural.....	37
6.2. Tài liệu tham khảo quan trọng	37
6.2.1 Tài liệu của UN Tourism.....	37
6.2.2. Tiêu chuẩn và hướng dẫn khác	38
6.3. Đào tạo và xây dựng năng lực.....	38
6.3.1. Các chủ đề đào tạo ưu tiên:	38
6.3.2. Phương pháp đào tạo hiệu quả:.....	38
7. PHỤ LỤC	39
7.1. Bảng kiểm tra theo 9 tiêu chí UN Tourism	39
7.2. Mẫu biểu và tài liệu tham khảo.....	42
7.2.1 Mẫu Quy chế hoạt động DLCĐ	42
7.2.2. Mẫu Nội quy về hoạt động DLCĐ	42
7.2.3. Mẫu Cam kết đảm bảo vệ sinh chuẩn phục vụ DLCĐ	42
7.2.4. Mẫu Phiếu điều tra sự hài lòng của khách du lịch	42
8. THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	42
KẾT LUẬN.....	43
TÀI LIỆU THAM KHẢO	43

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HƯỚNG DẪN

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết của việc xây dựng hướng dẫn

Du lịch là động lực quan trọng cho phát triển nông thôn, mang lại cơ hội việc làm, thúc đẩy bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hóa, đồng thời trao quyền cho phụ nữ và thanh niên. Sự dịch chuyển của du lịch toàn cầu sau đại dịch COVID-19 đã khẳng định xu thế của du lịch về với cộng đồng và nông thôn, nơi du khách ưu tiên tìm kiếm các giá trị nguyên bản, không gian sinh thái tự nhiên và trải nghiệm văn hóa địa phương sâu sắc. Trong bối cảnh đó, sáng kiến *Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới (Best Tourism Villages by UN Tourism)* được ra mắt năm 2021 đã trở thành chuẩn mực cao nhất để vinh danh các điểm đến du lịch cộng đồng (DLCĐ) hội tụ đủ ba yếu tố: Bảo tồn di sản tự nhiên và văn hóa, phát triển cộng đồng bền vững và đổi mới sáng tạo

Tại Việt Nam, DLCĐ được xác định dần trở thành sản phẩm hoàn chỉnh, chủ đạo trong hệ thống sản phẩm của du lịch Việt Nam, là công cụ hữu hiệu để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, góp phần thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Đề án *Phát triển DLCĐ tại Việt Nam* ban hành theo Quyết định 3222 năm 2024 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, và Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13259:2020 về *DLCĐ - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ* ban hành năm 2020 đã đặt nền móng cho phát triển DLCĐ. Tuy nhiên, thực trạng phát triển DLCĐ hiện nay vẫn đối mặt với nhiều thách thức:

- + *Sự thiếu thống nhất trong quản trị điểm đến:* Việc triển khai tại nhiều địa phương còn mang tính tự phát, có tính phong trào, mà thiếu quy hoạch bài bản. Ban quản lý (nếu có) thường thiếu quyền lực thực tế hoặc thiếu kỹ năng quản trị điểm đến chuyên nghiệp.
- + *Sự thiếu đổi mới sáng tạo về sản phẩm và loại hình trải nghiệm:* Sự sao chép một cách rập khuôn các mô hình DLCĐ gắn với homestay, biểu diễn văn nghệ giữa các địa phương làm giảm tính cạnh tranh và sự hấp dẫn.
- + *Các vấn đề về kỹ thuật và môi trường:* Thiếu hệ thống thu gom/xử lý rác thải bài bản; hạ tầng vệ sinh (nhà vệ sinh công cộng) thường không đạt chuẩn hoặc thiếu thẩm mỹ.
- + *Sự mai một bản sắc văn hóa:* Áp lực của phát triển du lịch ở nhiều điểm đến dẫn tới thương mại hóa, gây xung đột với môi trường và làm suy yếu các giá trị truyền thống.
- + *Sự thiếu liên kết chuỗi giá trị:* Các sản phẩm và dịch vụ liên quan tới du lịch đã có nhưng chưa gắn kết chặt chẽ vào trải nghiệm du lịch; khâu tiêu thụ sản phẩm tại chỗ cho khách còn yếu.
- + *Khoảng cách tiêu chuẩn:* Các mô hình hiện tại chủ yếu tập trung vào chất lượng dịch vụ đơn lẻ (theo TCVN 13259:2020) mà chưa có một hướng dẫn quản trị điểm đến toàn diện tiệm cận chuẩn quốc tế.

Vì vậy, việc xây dựng *Hướng dẫn quản lý và phát triển điểm đến DLCĐ bền vững* dựa trên 9 lĩnh vực theo tiêu chuẩn *Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới* là một yêu cầu mang tính chiến lược nhằm giúp các làng du lịch Việt Nam định vị thương hiệu, nâng cao năng lực cạnh tranh và ứng tuyển hội nhập (với sự hỗ trợ của Cục Du lịch Quốc gia) vào mạng lưới *Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới*.

Hướng dẫn này không chỉ dành cho các làng đã hoàn thiện mà còn được thiết kế như một công cụ hỗ trợ cho các cộng đồng đang ở giai đoạn khởi nghiệp hoặc có tiềm năng nhưng mới được khai phá.

1.2. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng cho các đơn vị hành chính đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật sau:

- + *Dân số*: Các làng (hoặc thôn, bản, buôn, sóc, xã hoặc cụm cộng đồng dân cư) có mật độ dân số thấp và có quy mô tối đa 15.000 cư dân.
- + *Vị trí địa lý và đặc điểm kinh tế xã hội*: Nằm trong khu vực có sự hiện diện rõ nét của các hoạt động truyền thống như nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi hoặc đánh bắt cá.
- + *Giá trị cốt lõi*: Có cam kết duy trì lối sống cổ kết cộng đồng, có bản sắc văn hóa đặc trưng và cảnh quan thiên nhiên gắn liền với sinh kế.
- + *Loại hình du lịch*: Tập trung vào DLCĐ với các hình thức như du lịch nông nghiệp - nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề và trải nghiệm văn hóa dựa vào cộng đồng.

1.3. Căn cứ xây dựng

Hướng dẫn được xây dựng dựa trên tham chiếu và tích hợp đa chiều giữa các tiêu chuẩn quốc tế và các quy định về DLCĐ của Việt Nam, bám sát tiêu chuẩn đánh giá Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới (Best Tourism Villages by UN Tourism), sao cho bản hướng dẫn tiếp cận với chuẩn toàn cầu nhưng vẫn phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

1.3.1. Căn cứ quốc tế

- + Tiêu chuẩn đánh giá Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới (Best Tourism Villages by UN Tourism) năm 2025.
- + Các mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu của Liên Hợp Quốc.
- + Bộ tiêu chí Điểm đến của Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu (GSTC Destination Criteria v2.0).
- + Mô hình Swisstayable (Chương trình bền vững của du lịch Thụy Sĩ), được vận dụng như một khung tham chiếu về tư duy hành trình bền vững..
- + Tiêu chuẩn DLCĐ ASEAN năm 2022.

1.3.2. Căn cứ quy định của Việt Nam

- + Luật Du lịch Việt Nam 2017 phân quy định liên quan tới phát triển DLCĐ và tài nguyên du lịch.

- + Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030.
- + Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.
- + Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13259:2020: DLCĐ - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ.

1.4. Đối tượng sử dụng

Hướng dẫn này là tài liệu kỹ thuật dành cho các bên liên quan cho các mô hình DLCĐ, bao gồm:

Chủ thể	Mục đích sử dụng
<i>Cơ quan quản lý nhà nước:</i> Sở Du lịch/Sở VHTTDL cấp tỉnh, UBND cấp xã	Làm căn cứ để định hướng quy hoạch, phân bổ ngân sách, xây dựng chính sách đặc thù cho DLCĐ, và đánh giá, thẩm định các điểm DLCĐ.
<i>Chủ thể quản lý điểm đến:</i> Ban quản lý DLCĐ, Hội đồng quản trị Hợp tác xã du lịch, hoặc tổ chức quản lý điểm đến tại điểm đến (DMO)	Vận dụng cho tổ chức quản lý vận hành điểm đến.
<i>Cộng đồng dân cư:</i> Các hộ gia đình kinh doanh homestay, nghệ nhân, tổ chức cá nhân cung ứng dịch vụ tại địa phương.	Để trực tiếp vận hành, phát triển điểm đến DLCĐ (Sử dụng bộ công cụ checklist rút gọn để tự đánh giá và cải thiện hoạt động hàng ngày).
<i>Doanh nghiệp liên quan:</i> Các doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp khác, nhà đầu tư mong muốn phát triển sản phẩm DLCĐ bền vững	Sử dụng để tham gia đồng hành cùng cộng đồng địa phương, thiết kế tour trải nghiệm và tích hợp chuỗi giá trị bền vững, cũng như phân tích nhu cầu thị trường.
<i>Các tổ chức phát triển và cá nhân liên quan khác:</i> Các tổ chức phi chính phủ (NGOs), chuyên gia tư vấn các dự án hỗ trợ phát triển nông thôn.	Sử dụng làm công cụ hỗ trợ nâng cao năng lực (đào tạo, tập huấn, chuyển giao kinh nghiệm ...), hợp tác phát triển cộng đồng.

2. MỤC TIÊU VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỐT LÕI

2.1. Mục tiêu của Hướng dẫn

Hướng dẫn được xây dựng nhằm thiết lập một hệ sinh thái quản trị điểm đến toàn diện, hướng tới các mục tiêu:

2.1.1. Mục tiêu chiến lược

- + *Phù hợp với định hướng phát triển du lịch của Việt Nam:* Đưa du lịch trở thành động lực tích cực cho chuyển đổi, phát triển nông thôn và phúc lợi cộng

đồng, phù hợp với các chủ trương của Chính phủ Việt Nam về phát triển du lịch nông thôn và DLCĐ.

- + *Định vị thương hiệu quốc tế*: Cung cấp lộ trình kỹ thuật giúp các làng du lịch Việt Nam đủ năng lực tham gia và đạt chứng nhận Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới, từ đó nâng cao vị thế của DLCĐ Việt Nam trên thị trường toàn cầu.
- + *Chuyển đổi tư duy quản trị*: Chuyển từ mô hình khai thác tài nguyên tự phát, ồ ạt và đại chúng, sang mô hình quản trị bền vững chuyên nghiệp dựa trên dữ liệu, kế hoạch và sự tham gia của các bên liên quan.
- + *Nâng cao vai trò của du lịch*: Khẳng định các giá trị truyền thống và bảo vệ các làng nông thôn cùng với cảnh quan, hệ thống tri thức, đa dạng sinh học và văn hóa, các giá trị và hoạt động địa phương thông qua DLCĐ; đảm bảo du lịch là động lực trực tiếp giúp giảm nghèo, hạn chế di cư từ nông thôn ra thành thị và tạo ra sinh kế ổn định cho cư dân bản địa.
- + *Đảm bảo cam kết rõ ràng về tính bền vững trên tất cả các khía cạnh*: Kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển DLCĐ.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- + Chuyển hóa 9 lĩnh vực đánh giá Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới thành các nội dung đánh giá phù hợp với thực tiễn DLCĐ Việt Nam và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13259:2020.
- + Hướng dẫn xây dựng mối liên kết bền chặt giữa Nhà nước (Public) - Doanh nghiệp (Private) - Cộng đồng (Community) trong quản lý xây dựng và phát triển điểm đến DLCĐ bền vững theo các tiêu chuẩn quốc tế.
- + Phân định rõ vai trò của các chủ thể Nhà nước (chính sách và đầu tư hạ tầng chiến lược), Doanh nghiệp (hỗ trợ và kết nối), Cộng đồng (vận hành quản lý mô hình) trong quản trị điểm đến DLCĐ.
- + Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và tư duy thông minh trong việc phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch và truyền thông điểm đến.
- + Thiết lập quy trình phát triển từ đánh giá tiềm năng đến vận hành và đánh giá, giám sát.
- + Hỗ trợ các điểm đến chuẩn bị hồ sơ tham gia sáng kiến Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới.
- + Hỗ trợ hình thành mạng lưới các làng du lịch bền vững theo tiêu chuẩn của UN Tourism ở cấp tỉnh và cấp quốc gia.

2.2. Các nguyên tắc cốt lõi

Mọi hoạt động quản lý và phát triển điểm đến DLCĐ phải tuân thủ nghiêm ngặt 8 nguyên tắc dựa trên triết lý phát triển du lịch bền vững (ASEAN Secretariat, 2022; ESRT & WWF, 2013) và có tính bao trùm:

Nguyên tắc	Giải thích
Lấy cộng đồng làm trung tâm	Cộng đồng không chỉ là đối tượng hưởng lợi mà phải là chủ thể quản lý và người ra quyết định cao nhất.
Bảo tồn chủ động	Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức địa phương và các di sản văn hóa phi vật thể. Du lịch phải tạo ra nguồn lực để tái đầu tư cho bảo tồn. Nếu không có bảo tồn, tài nguyên sẽ cạn kiệt và du lịch sẽ tự diệt vong.
Tính nguyên bản và xác thực	Duy trì những giá trị nguyên bản văn hóa về lối sống, phong tục, kiến trúc và những nét văn hóa địa phương. Tránh hiện tượng sân khấu hóa văn hóa giả tạo.
Trách nhiệm môi trường	Cam kết giảm phát thải, quản lý chất thải rắn và ưu tiên năng lượng xanh, sạch.
Đổi mới sáng tạo nông thôn	Không dừng lại ở truyền thống cũ kỹ; ứng dụng giải pháp thông minh để hiện đại hóa nông thôn mà vẫn không làm mất bản sắc.
Hợp tác đa bên	Thiết lập và thúc đẩy cơ chế hợp tác Công - Tư - Cộng đồng minh bạch và hiệu quả.
Công bằng và bao trùm	Đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau, đặc biệt là nhóm yếu thế như: Nhóm phụ nữ, thanh niên và người khuyết tật.
Giáo dục chuyển đổi tư duy	Chuyển đổi tư duy từ phục vụ tự phát sang dịch vụ chuyên nghiệp nhưng vẫn giữ được tính chân thực.

2.3. Triết lý của Hướng dẫn.

Dựa trên kinh nghiệm từ mô hình du lịch Thụy Sĩ (Swisstainable), hướng dẫn này *không áp dụng như một bộ tiêu chuẩn đạt hay không đạt cứng nhắc* ngay từ đầu. Thay vào đó, hướng dẫn có tác dụng *hướng dẫn, khuyến khích các điểm đến DLCĐ tự nâng cấp* theo lộ trình:

- + *Cấp độ 1 – Tiên cam kết*: Điểm đến có tiềm năng phát triển DLCĐ và mới ở giai đoạn có ý tưởng và chủ trương phát triển du lịch cộng đồng.
- + *Cấp độ 2 - Cam kết*: Điểm đến bắt đầu định hướng phát triển DLCĐ, xây dựng bộ máy quản lý sơ khai, cam kết bảo tồn văn hóa và đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn cơ bản (theo TCVN).
- + *Cấp độ 3 - Tham gia vận hành*: Điểm đến triển khai các dự án bảo tồn cụ thể, tham gia chuỗi giá trị cung ứng dịch vụ du lịch và có hệ thống ghi chép dữ liệu du khách cơ bản và giám sát tác động đến kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường.

- + *Cấp độ 4 – Sẵn sàng ứng cử danh hiệu:* Điểm đến đạt sự hài hòa tuyệt đối giữa kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; có tính đổi mới sáng tạo cao và đủ năng lực lập hồ sơ ứng cử danh hiệu quốc tế của Tổ chức Du lịch Thế giới.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Hướng dẫn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa từ 2 nguồn cơ bản là *Hướng dẫn lĩnh vực đánh giá Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới* và *Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13259:2020: DLCĐ - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ*.

Thuật ngữ	Khái niệm/định nghĩa kỹ thuật
Thuật ngữ cơ bản	
Cộng đồng	Một tập hợp những chủ thể văn hóa và những người cùng cư trú một khu vực địa lý, có những đặc tính chung về xã hội, cùng nhau gìn giữ những di sản văn hóa mà họ coi là bản sắc văn hóa của mình.
Du lịch cộng đồng	Loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.
Làng du lịch tốt nhất	Làng du lịch tốt nhất là ví dụ xuất sắc của một điểm đến du lịch nông thôn với tài nguyên văn hóa và tự nhiên được công nhận, bảo tồn và thúc đẩy các giá trị dựa trên cộng đồng, sản phẩm và lối sống nông thôn, đồng thời có cam kết rõ ràng về tính bền vững trong tất cả các khía cạnh.
Ban quản lý DLCĐ	Đơn vị quản lý và vận hành DLCĐ gồm đại diện chính quyền, tổ chức đoàn thể địa phương và thành viên cộng đồng có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức và quản lý hoạt động du lịch tại các điểm DLCĐ.
Thuật ngữ về tính bền vững	
Tính bền vững kinh tế	Cam kết thúc đẩy tính bền vững kinh tế thông qua hỗ trợ phát triển kinh doanh, khởi nghiệp và đầu tư.
Tính bền vững xã hội	Cam kết thúc đẩy hòa nhập xã hội và bình đẳng, bao gồm bình đẳng giới, tạo việc làm cho thanh niên và nhóm dễ bị tổn thương.
Tính bền vững môi trường	Cam kết với tính bền vững môi trường thông qua thúc đẩy và/hoặc phổ biến các chính sách, biện pháp và sáng kiến thúc đẩy bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động của phát triển du lịch đối với môi trường.
Thuật ngữ về quản trị	
Đối tác Công-Tư-Cộng đồng (PPCP)	Mô hình quản trị trong đó tất cả các bên liên quan - khu vực công ở cấp quốc gia, khu vực và địa phương, khu vực tư nhân

Thuật ngữ	Khái niệm/định nghĩa kỹ thuật
	và cộng đồng địa phương - hợp tác và chia sẻ trách nhiệm trong phát triển du lịch.
Tích hợp chuỗi giá trị du lịch	Sự tham gia và liên kết của các bên liên quan địa phương không chỉ giới hạn trong dịch vụ du lịch mà còn mở rộng sang các ngành phụ trợ như nông nghiệp sạch, thủ công mỹ nghệ và cung ứng vật liệu địa phương cho phát triển du lịch
Quản lý điểm đến	Quá trình phối hợp và quản lý tất cả các yếu tố tạo nên điểm đến (thu hút, cơ sở vật chất, tiếp cận, hình ảnh và giá cả) theo cách tích hợp và bền vững.
Các thuật ngữ khác	
Hoạt động	Trong thống kê du lịch, thuật ngữ hoạt động đại diện cho các hành động và hành vi của con người trong quá trình chuẩn bị và trong suốt chuyến đi với tư cách là người tiêu dùng.
Năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch	Năng lực cạnh tranh của một điểm đến du lịch là khả năng của điểm đến đó trong việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự nhiên, văn hóa, con người, nhân tạo và nguồn vốn để phát triển và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ du lịch chất lượng, đổi mới sáng tạo, có đạo đức và hấp dẫn. Mục tiêu nhằm đạt được sự tăng trưởng bền vững trong tầm nhìn tổng thể và các mục tiêu chiến lược, gia tăng giá trị gia tăng của ngành du lịch, cải thiện và đa dạng hóa các thành phần thị trường, đồng thời tối ưu hóa sức hấp dẫn và lợi ích cho cả du khách và cộng đồng địa phương dưới góc nhìn bền vững.
Đổi mới sáng tạo trong du lịch	Đổi mới sáng tạo trong du lịch là việc đưa vào một thành phần mới hoặc cải tiến nhằm mang lại lợi ích hữu hình và vô hình cho các bên liên quan và cộng đồng địa phương, nâng cao giá trị của trải nghiệm du lịch và năng lực cốt lõi của ngành du lịch, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh và/hoặc tính bền vững. Đổi mới sáng tạo trong du lịch có thể bao quát các lĩnh vực tiềm năng như: điểm đến du lịch, sản phẩm du lịch, công nghệ, quy trình, tổ chức và mô hình kinh doanh, kỹ năng, kiến trúc, dịch vụ, công cụ và/hoặc các phương thức thực hành trong quản lý, marketing, truyền thông, vận hành, đảm bảo chất lượng và định giá.
Điểm đến du lịch	Điểm đến du lịch là một không gian vật lý có hoặc không có ranh giới hành chính và/hoặc ranh giới phân tích mà du khách có thể lưu trú qua đêm. Đây là một cụm (sự cộng hưởng địa điểm) của các sản phẩm và dịch vụ, của các hoạt động và trải nghiệm dọc theo chuỗi giá trị du lịch và là một đơn vị phân tích

Thuật ngữ	Khái niệm/định nghĩa kỹ thuật
	cơ bản của du lịch. Một điểm đến tích hợp nhiều bên liên quan và có thể kết nối mạng lưới để hình thành các điểm đến lớn hơn. Điểm đến cũng mang tính vô hình với hình ảnh và bản sắc riêng – những yếu tố có thể ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh thị trường của điểm đến đó.
Sản phẩm du lịch	Sản phẩm du lịch là sự kết hợp của các yếu tố hữu hình và vô hình, như tài nguyên tự nhiên, văn hóa, các điểm tham quan, cơ sở vật chất, dịch vụ và hoạt động xoay quanh một trung tâm thu hút cụ thể. Sản phẩm này đại diện cho cốt lõi của hỗn hợp marketing điểm đến (marketing mix) và tạo ra trải nghiệm tổng thể cho khách tham quan, bao gồm cả các khía cạnh cảm xúc cho khách hàng tiềm năng. Sản phẩm du lịch được định giá và bán thông qua các kênh phân phối.
Chuỗi giá trị du lịch	Chuỗi các hoạt động tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm du lịch, từ cung ứng nguyên liệu, dịch vụ đến tiêu thụ sản phẩm địa phương.

4. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN CÁC LĨNH VỰC ĐÁNH GIÁ

Các điểm đến DLCĐ sẽ được đánh giá dựa trên 9 lĩnh vực, mỗi lĩnh vực sẽ liên kết trực tiếp với các *Các mục tiêu Phát triển bền vững Toàn cầu (SDGs) của Liên Hợp Quốc*, cụ thể như sau:

4.1. Tài nguyên văn hóa và tài nguyên tự nhiên

(*Tương ứng UN Tourism: Cultural and Natural Resources - SDGs 8, 11, 12, 15*)

4.1.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Đánh giá sự phong phú tiềm năng của các tài nguyên làm nền tảng cho du lịch.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng có tài nguyên tự nhiên và văn hóa (hữu hình và vô hình) được công nhận ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế
- + Liên kết Luật Du lịch Việt Nam 2017: Điều 3 “Giải thích từ ngữ” về tài nguyên du lịch và Điều 15 “Các loại tài nguyên du lịch”

4.1.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Xác định và kiểm kê tài nguyên văn hóa	<i>Tài nguyên văn hóa vật thể:</i> + Di tích lịch sử, kiến trúc truyền thống	- Danh mục kiểm kê tài nguyên có hình ảnh/video minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Các công trình tín ngưỡng, tôn giáo + Hiện vật, cổ vật có giá trị khoa học, lịch sử + Làng nghề, không gian sản xuất truyền thống <i>Tài nguyên văn hóa phi vật thể:</i> + Truyền thống truyền miệng, nghệ thuật biểu diễn (ca trù, quan họ, chèo...) + Thực hành xã hội, nghi lễ và sự kiện lễ hội + Tri thức và thực hành liên quan đến tự nhiên và trời đất. + Nghề thủ công truyền thống (gốm, dệt, mây tre đan...)	- Số lượng di sản được xếp hạng cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế, ví dụ Unesco (năm công nhận, lí do công nhận, quyết định hoặc bằng công nhận dưới dạng file PDF hoặc hình ảnh). Nếu chưa được công nhận xếp hạng, nêu các bước chính thức hướng tới công nhận. <i>Lưu ý:</i> Tài nguyên không nhất thiết phải nằm trong ranh giới làng, có thể nằm ở khu vực lân cận nhưng gắn liền với sinh kế của làng.
Xác định và kiểm kê tài nguyên tự nhiên	<i>Các loại tài nguyên tự nhiên được công nhận:</i> + Địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh động vật, cảnh quan. + Vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên + Khu dự trữ sinh quyển + Giá trị đa dạng sinh học + Hệ thống di sản nông nghiệp toàn cầu + Công viên địa chất toàn cầu	- Danh mục kiểm kê tài nguyên có hình ảnh/video minh chứng. - Có bản đồ phân vùng bảo vệ tài nguyên tự nhiên của làng. <i>Lưu ý:</i> Tài nguyên tự nhiên được công nhận có thể nằm trong làng hoặc vùng lân cận (theo hướng dẫn của Tổ chức Du lịch Thế giới)

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Cảnh quan sinh thái đặc trưng (ruộng bậc thang, rừng nguyên sinh, sông hồ, hang động...)	
<i>Yêu cầu chung về hệ thống hóa và lưu trữ thông tin</i> + Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên văn hóa và tự nhiên + Lập bản đồ phân bố tài nguyên + Tài liệu hóa các giá trị đặc trưng + Đánh giá tiềm năng khai thác du lịch của từng loại tài nguyên		

4.2. Thúc đẩy và bảo tồn tài nguyên văn hóa

(*Tương ứng UN Tourism: Promotion and Conservation of Cultural Resources - SDGs 8, 11, 12*)

4.2.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Đảm bảo du lịch không làm mai một bản sắc mà ngược lại, trở thành công cụ bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng cam kết với việc thúc đẩy và bảo tồn các tài nguyên văn hóa làm cho nó độc đáo và xác thực
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 4.7 "Hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật truyền thống tại cộng đồng"

4.2.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Đánh giá và tài liệu hóa tài nguyên văn hóa	+ Tài liệu khoa học, diễn giải địa điểm + Thông tin và truyền thông du lịch + Bảo tàng, triển lãm cộng đồng + Hệ thống biển báo, bảng thông tin tại điểm tham quan	- Hình ảnh, video. - Các tài liệu, hiện vật.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Chương trình và chứng nhận bảo tồn	+ Tham gia các chương trình bảo tồn cấp quốc gia/khu vực/quốc tế + Đạt các chứng nhận về bảo tồn di sản + Hợp tác với các tổ chức chuyên môn về bảo tồn + Đăng ký nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm làng nghề hoặc chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm.	- Các chứng nhận. - Các hình ảnh/video chứng nhận.
Truyền tải tri thức giữa các thế hệ	+ Tổ chức các lớp học truyền nghề cho thanh niên + Ghi chép, lưu trữ kiến thức của người cao tuổi + Tạo cơ hội cho thế hệ trẻ tham gia các hoạt động văn hóa truyền thống	- Báo cáo liên quan. - Hình ảnh và video chụp quay các lớp truyền nghề.
Phục hồi và bảo vệ kiến trúc truyền thống	+ Phục hồi, bảo tồn các công trình kiến trúc, nhà ở truyền thống + Duy trì vật liệu xây dựng truyền thống + Khung pháp lý để bảo tồn trung tâm lịch sử	- Quy chế bảo vệ kiến trúc nhà truyền thống trong hương ước... - Ngân sách (%) dành cho bảo tồn.
Trình diễn văn hóa và phát triển ngành công nghiệp sáng tạo	+ Tổ chức các hoạt động trình diễn văn hóa chất lượng cao + Phát triển sản phẩm sáng tạo dựa trên văn hóa truyền thống + Tổ chức lễ hội, sự kiện văn hóa	- Số lượng sự kiện văn hóa truyền thống được tổ chức định kỳ/năm. - Video, hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Đảm bảo tính xác thực trong các hoạt động trình diễn, tránh hiện tượng "sân khấu hóa" quá đà. Các buổi biểu diễn phải giữ được hồn cốt nguyên bản thay vì làm theo đơn đặt hàng du lịch đại trà. <i>Yêu cầu cụ thể theo TCVN 13259:2020:</i> + Địa điểm trình diễn nằm trong khu vực cộng đồng + Tiết mục và thiết kế phù hợp với bản sắc văn hóa + Sử dụng trang phục truyền thống dân tộc + Người trình diễn là thành viên cộng đồng có kiến thức và kỹ năng + Kiểm soát thời gian tổ chức và tiếng ồn + Nội dung làm nổi bật giá trị đặc trưng văn hóa cộng đồng	

4.3. Tính bền vững kinh tế

(*Tương ứng UN Tourism: Economic Sustainability - SDGs 5, 8, 9, 17*)

4.3.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Đảm bảo lợi ích kinh tế lan tỏa và bền vững cho cộng đồng.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng cam kết thúc đẩy tính bền vững kinh tế, hỗ trợ phát triển kinh doanh, khởi nghiệp và đầu tư.
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Phụ lục A - Bộ quy định về phân phối lợi ích kinh tế từ du lịch

4.3.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Tạo thuận lợi tiếp cận nguồn tài chính	+ Cơ chế tài chính: vay vốn, tín dụng vi mô, vay lãi suất thấp + Ưu đãi tài khóa cho doanh nghiệp địa phương + Phổ biến thông tin về cơ hội tiếp cận tài chính và đầu tư + Xây dựng năng lực cho các bên liên quan về vận hành kinh doanh du lịch nông thôn + Kết nối với nhà đầu tư thông qua diễn đàn đầu tư	- Danh sách các hộ tham gia hoạt động DLCĐ và nhận hỗ trợ từ các chương trình hoặc vốn vay ưu đãi địa phương. - Các minh chứng khác liên quan tới chính sách, cơ chế.
Môi trường thuận lợi cho phát triển kinh doanh	<i>Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) du lịch:</i> + Chính sách khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới và DNNVV + Hỗ trợ thủ tục hành chính + Tạo điều kiện tiếp cận thị trường <i>Tổ chức hợp tác và hiệp hội:</i> + Hỗ trợ thành lập hợp tác xã, hiệp hội kinh doanh địa phương + Tạo điều kiện tiếp cận thị trường + Phát triển chiến lược marketing chung	- Các văn bản, chính sách liên quan.
Cơ chế phân phối lợi ích công bằng	<i>Quỹ DLCĐ:</i> Cộng đồng tự thảo luận và thống nhất tỷ lệ đóng góp vào Quỹ chung dựa trên sự đồng thuận tại cuộc họp làng. Sử dụng quỹ:	- Quy định về quỹ DLCĐ và phân bổ quỹ DLCĐ.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Chi trả hoạt động chung của Ban quản lý + Đầu tư phát triển cơ sở vật chất du lịch + Đóng góp cho các hoạt động chung của thôn, xã + Hỗ trợ các hộ gia đình nghèo nhất	
Đo lường tác động kinh tế	+ Thu nhập từ du lịch do địa phương sở hữu và vận hành + Tỷ lệ việc làm trong du lịch + Tỷ lệ doanh nghiệp du lịch do địa phương sở hữu + Tác động của du lịch đến toàn bộ nền kinh tế nông thôn (nông nghiệp, lâm nghiệp, đánh cá nội địa)	- Các báo cáo, văn bản liên quan.

4.4. Tính bền vững xã hội

(*Tương ứng UN Tourism: Social Sustainability - SDGs 1, 2, 4, 5, 8, 10, 11, 12, 17*)

4.4.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Thúc đẩy bình đẳng, hòa nhập và phúc lợi xã hội.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng cam kết thúc đẩy hòa nhập xã hội và bình đẳng
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Phụ lục A - Bộ quy tắc ứng xử dành cho cộng đồng địa phương

4.4.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Thúc đẩy việc làm trong lĩnh vực du lịch	+ Chính sách thúc đẩy việc làm đang hoàng với cơ hội bình đẳng + Đo lường việc làm hoặc quyền sở hữu doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan. - Các dữ liệu định lượng liên quan.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Ưu tiên sử dụng lao động địa phương + Đảm bảo điều kiện làm việc an toàn + Trả lương công bằng, tối thiểu theo quy định	
Thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho thanh niên	<i>Đối với phụ nữ:</i> + Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới thông qua hội thảo và chiến dịch + Thu thập dữ liệu về việc làm và sở hữu doanh nghiệp của phụ nữ + Hoạt động đào tạo và giáo dục để nâng cao kỹ năng phụ nữ + Đối tác với khu vực tư nhân để thúc đẩy việc làm cho phụ nữ + Chính sách tài khóa và tài chính khuyến khích việc làm cho phụ nữ <i>Đối với thanh niên (17-29 tuổi):</i> + Đào tạo và phát triển kỹ năng cho thanh niên + Khuyến khích khởi nghiệp trong lĩnh vực du lịch + Tạo cơ hội để thanh niên tham gia quản lý + Thành công trong việc đảo ngược xu	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan - Các dữ liệu định lượng liên quan. + Danh sách Ban quản lý (tỷ lệ nữ), danh sách các hộ trẻ khởi nghiệp tại làng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	hướng di cư của thanh niên	
Tạo cơ hội cho nhóm dễ bị tổn thương	+ Người dân tộc thiểu số, nhóm dân tộc thiểu số + Người khuyết tật + Thu thập dữ liệu về việc làm của nhóm dễ bị tổn thương + Hoạt động đào tạo để nâng cao kỹ năng + Chính sách tài khóa khuyến khích	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan. - Các dữ liệu định lượng liên quan.
Phát triển nguồn nhân lực và kỹ năng	+ Hoạt động đào tạo, giáo dục và xây dựng năng lực + Thúc đẩy đổi mới sáng tạo + Thu hẹp khoảng cách kỹ năng số <i>Các lĩnh vực đào tạo chính:</i> + Kỹ năng vận hành du lịch, quản lý tài chính + Kỹ năng tiếp thị, bán hàng + Kỹ năng giao tiếp đa văn hóa + Kỹ năng quản lý môi trường và văn hóa + Ngoại ngữ (đặc biệt tiếng Anh) + Kỹ năng phục vụ khách hàng + Kỹ năng an toàn thực phẩm	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan. - Các dữ liệu định lượng liên quan.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Nâng cao khả năng tiếp cận cho du khách có nhu cầu đặc biệt	+ Cải tạo cơ sở vật chất: không bậc thang, cửa rộng, nhà vệ sinh thích ứng + Thông tin dễ tiếp cận: chữ nổi Braille, biểu tượng, video phụ đề, mã QR + Chỗ đỗ xe và ghế ngồi ưu tiên + Đào tạo nhân viên về tiếp cận toàn diện	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan. - Các dữ liệu định lượng liên quan. - Hình ảnh, video.

4.5. Tính bền vững môi trường

(*Tương ứng UN Tourism: Environmental Sustainability - SDGs 7, 12, 13, 15, 17*)

4.5.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Quản lý tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu phát thải

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng cam kết hướng tới sự phát triển bền vững về môi trường thông qua việc thúc đẩy và/hoặc phổ biến các chính sách, biện pháp và sáng kiến nhằm tăng cường bảo tồn và gìn giữ tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động của phát triển du lịch đến môi trường.
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 5 "Bảo vệ môi trường, vệ sinh, an ninh, phòng chống cháy nổ"

4.5.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên	<i>Các hành động cụ thể:</i> + Trồng cây xanh và cây bụi đặc trưng của địa phương + Tham gia chương trình bảo tồn thiên nhiên quốc gia/khu vực/quốc tế + Tuân thủ luật bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn loài	- Hồ sơ, báo cáo chính sách liên quan. - Các dữ liệu định lượng liên quan.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Thủ công mỹ nghệ hoặc dự án dựa trên tài nguyên thiên nhiên, bao gồm nông nghiệp + Nâng cao chất lượng cảnh quan + Kế hoạch bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên	
Chống biến đổi khí hậu	+ Kế hoạch hành động giảm phát thải CO₂ với giám sát và đánh giá phù hợp + Khuyến khích phương tiện giao thông thân thiện với môi trường trong làng và tiếp cận <i>Theo TCVN 13259:2020:</i> + Khuyến khích khách du lịch đi bộ hoặc sử dụng phương tiện thủ công, truyền thống gắn với đặc trưng địa phương	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.
Giảm thiểu nhựa sử dụng một lần	+ Biện pháp giảm nhựa sử dụng một lần tại chỗ ở, nhà hàng và các bên liên quan + Chiến dịch nâng cao nhận thức cho khách du lịch và doanh nghiệp + Sử dụng vật liệu đóng gói từ nguồn tự nhiên <i>Theo TCVN 13259:2020:</i> + Khuyến khích sử dụng sản phẩm từ vật liệu tự nhiên, phân hủy sinh học	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh chụp bao bì thân thiện môi trường.
Giám sát và giảm thiểu tác động về năng lượng, nước và chất thải	<i>Quản lý năng lượng:</i> + Kế hoạch quản lý năng lượng	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh chụp hệ thống xử lý nước thải (nếu có), chiếu sáng, tiết kiệm năng lượng (nếu có).

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Hệ thống kiểm soát ánh sáng, sử dụng đèn LED hoặc đèn tiêu thụ ít năng lượng + Biện pháp hỗ trợ áp dụng hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo + Có biện pháp tiết kiệm điện hiệu quả + Sử dụng ánh sáng tự nhiên tại các khu vực <i>Quản lý nước:</i> + Sáng kiến tiết kiệm nước + Đo lường và giám sát tiêu thụ nước + Biện pháp giảm sử dụng nước uống cho mục đích tưới tiêu trong du lịch + Đảm bảo nguồn nước sạch <i>Quản lý nước thải:</i> + Kế hoạch quản lý nước thải + Đo lường: tỷ lệ nước tái chế, xử lý nước thải + Tỷ lệ cơ sở du lịch kết nối với hệ thống xử lý nước thải + Có quy định về quản lý tốt việc áp dụng qui định về hạn chế khí thải, thu gom và xử lý rác thải, nước thải <i>Quản lý chất thải rắn:</i> + Hệ thống quản lý chất thải rắn + Đo lường: tỷ lệ chất thải rắn được xử lý + Tần suất thu gom chất thải + Thực hiện đúng nguyên tắc quản lý rác thải, nước thải,	

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	sử dụng bao bì phân hủy sinh học	
Vệ sinh môi trường	+ Vệ sinh sạch sẽ tất cả các khu vực lưu trú, ăn uống, nhà vệ sinh, khu sinh hoạt chung + Đảm bảo không có khu vực côn trùng có hại + Nhà vệ sinh các khu vực đảm bảo thoát nước tốt, sạch sẽ, có thông gió, ánh sáng	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.

4.6. Phát triển du lịch và tích hợp chuỗi giá trị

(*Tương ứng UN Tourism: Tourism Development and Value Chain Integration - SDGs 8, 9, 10, 12*)

4.6.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra sự kết nối liên ngành, biến du lịch thành "đầu kéo" cho các ngành kinh tế khác của làng.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Du lịch trong làng được tiếp thị và phát triển mạnh mẽ. Làng tiếp tục thúc đẩy việc nâng cao chuỗi giá trị du lịch và khả năng cạnh tranh của điểm đến trong các lĩnh vực liên quan đến tiếp cận thị trường, tiếp thị và quảng bá, đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 4.1-4.8 về các yêu cầu chất lượng dịch vụ

4.6.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Hội nhập vào mạng lưới du lịch rộng hơn	+ Là một phần của tuyến đường chủ đề quốc gia, khu vực hoặc quốc tế + Là một phần của cụm làng có giá trị tự nhiên và văn hóa chung + Nằm trong hoặc gần công viên tự nhiên	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Kết nối với các điểm đến du lịch lớn hơn	
Phát triển sản phẩm du lịch chất lượng	<i>Các loại sản phẩm:</i> + Dịch vụ hướng dẫn DLCĐ (mục 4.1 TCVN) + Điểm thông tin DLCĐ (mục 4.2 TCVN) + Dịch vụ tham quan (mục 4.3 TCVN) + Dịch vụ ăn uống (mục 4.4 TCVN) + Dịch vụ lưu trú (mục 4.5 TCVN) + Dịch vụ vui chơi, giải trí (mục 4.6 TCVN) + Hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật (mục 4.7 TCVN) + Dịch vụ mua sắm sản phẩm địa phương (mục 4.8 TCVN) <i>Yêu cầu chung:</i> + Sản phẩm phải có tính độc đáo, đặc trưng địa phương + Đảm bảo chất lượng ổn định + Phù hợp với nhu cầu thị trường + Có tính xác thực văn hóa	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hợp đồng cung ứng dịch vụ. - Hình ảnh minh chứng.
Thúc đẩy ẩm thực và văn hóa ẩm thực địa phương	<i>Biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm:</i> + Kiểm tra an toàn thực phẩm từ trang trại đến bàn ăn + Hệ thống kiểm soát thực phẩm và đào tạo + Tuân thủ yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm <i>Thúc đẩy ẩm thực địa phương:</i> + Cơ sở ăn uống phản ánh giá trị nông thôn và địa phương	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Giấy chứng nhận OCOP, danh sách các sản phẩm ghi rõ nguồn gốc sản xuất, chất lượng đăng ký. - Hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Liên kết với nông nghiệp địa phương và đa dạng sinh học + Văn hóa ẩm thực truyền thống hoặc bản địa + Áp dụng nguồn cung ứng km0 và thúc đẩy thực phẩm địa phương <i>Theo TCVN 13259:2020:</i> + Thực đơn có giá rõ ràng bằng tiếng Việt và ngoại ngữ + Mỗi bữa ăn có ít nhất một món ăn truyền thống địa phương + Sử dụng thực phẩm an toàn và nguyên vật liệu truyền thống + Có hoạt động cho khách du lịch tham gia trải nghiệm chế biến <i>Sở hữu trí tuệ và sự kiện:</i> + Sở hữu trí tuệ liên quan đến tri thức và truyền thống thực phẩm + Tổ chức và thúc đẩy lễ hội/sự kiện ẩm thực	
Hội nhập nông dân và nhà sản xuất địa phương	+ Hoạt động và trải nghiệm liên quan đến truyền thống địa phương + Hội thảo và hoạt động tương tác với nghệ nhân và nhà sản xuất + Cửa hàng và chợ địa phương để mua sản phẩm thực phẩm và thủ công mỹ nghệ + Thông tin du lịch về mua gì và mua ở đâu + Sản phẩm được chứng nhận "Made locally" + Chính sách thúc đẩy sử dụng sản phẩm địa phương	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Giấy chứng nhận OCOP, danh sách các sản phẩm ghi rõ nguồn gốc sản xuất, chất lượng đăng ký. - Hợp đồng cung ứng dịch vụ - Hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Mạng lưới hoặc hiệp hội đầu bếp, chuyên gia ẩm thực	
Tiêu chuẩn chất lượng và hệ thống chứng nhận	+ Kiểm tra cơ sở du lịch về tuân thủ tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh + Doanh nghiệp du lịch đạt tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu và chứng nhận + Thúc đẩy đào tạo và xây dựng năng lực cho doanh nghiệp địa phương + Phát triển và bảo vệ nhãn hiệu thương mại, chỉ dẫn địa lý + Làng đạt nhãn hiệu quốc gia, khu vực hoặc quốc tế	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.
Marketing và xúc tiến	<i>Chiến lược marketing:</i> + Kế hoạch marketing cho điểm đến + Trung tâm thông tin du lịch (vật lý hoặc trực tuyến) cung cấp thông tin chất lượng + Website có cấu trúc, chức năng và cập nhật + Nền tảng truyền thông số và mạng xã hội <i>Các công cụ marketing 5P:</i> + Product (Sản phẩm): Sản phẩm nào cộng đồng sẽ bán cho khách? + Positioning (Định vị): Yếu tố nào giúp làm khác biệt? + Place (Phân phối): Làm thế nào khách tiếp cận dễ dàng? + Price (Giá cả): Định giá như thế nào để duy trì và vẫn cạnh tranh?	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng. - Kết quả điều tra khảo sát sự hài lòng của du khách.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Promotion (Xúc tiến): Vị trí tốt nhất để quảng bá? <i>Kênh phân phối:</i> + Hiện diện trên công cụ tìm kiếm du lịch và OTA + Đào tạo và khuyến khích doanh nghiệp tiếp cận thị trường + Đo lường sự hài lòng của du khách + Đối tác với các nhà điều hành tour chuyên môn	
Phân tích nhu cầu khách hàng	Làng cần xác định khách của mình là ai (khách nội địa, khách quốc tế, khách đi theo nhóm hay đi lẻ) để thiết kế sản phẩm phù hợp.	Minh chứng bằng các hợp đồng hợp tác hoặc biên bản ghi nhớ (MOU) với các công ty lữ hành uy tín.

4.7. Quản trị và ưu tiên cho du lịch

(*Tương ứng UN Tourism: Governance and Prioritization of Tourism - SDGs 9, 17*)

4.7.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Thiết lập hệ thống quản lý đa tầng, đảm bảo du lịch được ưu tiên trong chính sách phát triển của địa phương và có sự tham gia thực chất của cộng đồng.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng cam kết biến du lịch thành trụ cột chiến lược cho phát triển nông thôn, thúc đẩy mô hình quản trị dựa trên đối tác đối tác công tư, hợp tác với các cấp chính quyền khác và sự tham gia của cộng đồng vào quy hoạch và phát triển du lịch.
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 3.11 "Ban quản lý DLCĐ"

4.7.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Đặt du lịch là trụ cột chiến lược	<i>Ở cấp quốc gia và khu vực:</i> + Chính phủ nên đặt du lịch là một trong những trụ cột chiến lược của chính sách phát triển nông thôn	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Cung cấp khung pháp lý và quy định thuận lợi + Đầu tư, hướng dẫn và khuyến khích phù hợp + Hỗ trợ phát triển du lịch. <i>Ở cấp điểm đến:</i> + Xem xét bản sắc lãnh thổ và đặc điểm cụ thể + Chính sách phân phối lợi ích trên khắp lãnh thổ + Thiết kế hướng dẫn và/hoặc pháp luật quy hoạch quốc gia và khu vực	
Cơ cấu quản trị DLCĐ	<i>Mô hình Ban quản lý DLCĐ:</i> + Trưởng ban: Đại diện chính quyền địa phương (Phó Chủ tịch UBND xã) + Phó ban: Trưởng thôn/làng + Ủy viên/Kế toán: Cán bộ văn hóa xã + Trưởng các nhóm chức năng: Nhóm đón tiếp và hướng dẫn, nhóm ẩm thực, nhóm sản xuất hàng thủ công/nông sản, nhóm văn nghệ (nếu có), các nhóm khác. <i>Chức năng và nhiệm vụ:</i> + Tổ chức đón tiếp khách du lịch + Giới thiệu tình hình địa phương + Lập kế hoạch hoạt động, phát triển du lịch + Nâng cao chất lượng dịch vụ + Xử lý các trường hợp vi phạm + Quản lý tài chính minh bạch + Báo cáo định kỳ <i>Nguyên tắc hoạt động:</i> + Dân chủ, công khai, minh bạch + Trao đổi thông tin cởi mở giữa Ban quản lý và cộng đồng + Đảm bảo tất cả thành viên cộng đồng đều được tham gia quá trình ra quyết định	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Mô hình đối tác Công-Tư-Cộng đồng (PPCP)	<i>Các bên liên quan:</i> + Công: Có nhiệm vụ định hướng chính sách, hỗ trợ pháp lý. Bao gồm chính quyền các cấp (quốc gia, khu vực, địa phương) + Tư: Có nhiệm vụ kết nối thị trường, tư vấn chuyên môn. Bao gồm các doanh nghiệp du lịch, công ty lữ hành, doanh nghiệp vừa và nhỏ + Cộng đồng: Chủ thể trực tiếp triển khai vận hành. Bao gồm cộng đồng dân cư địa phương, các hộ gia đình <i>Nguyên tắc đối tác:</i> + Chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi + Hợp tác chặt chẽ và điều phối + Tôn trọng vai trò của từng bên + Minh bạch trong hoạt động + Cùng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Biên bản họp cộng đồng định kỳ, quy chế phối hợp giữa BQL và doanh nghiệp lữ hành và cộng đồng.
Cơ cấu chuyên trách cho phát triển và quản lý du lịch	+ Khu vực chính phủ chịu trách nhiệm phát triển du lịch + Tổ chức quản lý điểm đến (DMO) + Thỏa thuận với doanh nghiệp và hiệp hội du lịch + Giám sát và đánh giá Kế hoạch Du lịch Chiến lược với KPI + Đối tác với khu vực tư và học viện để đo lường tính bền vững + Sử dụng dữ liệu để đo lường và quản lý du lịch	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.
Hợp tác với doanh nghiệp	+ Gắn kết các bên liên quan địa phương trong việc xây dựng và thực hiện chính sách + Tham vấn công khai + Cơ chế điều phối và đối tác với khu vực tư + Đào tạo cư dân địa phương thành lập và quản lý hợp tác xã	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Quy chế phối hợp giữa BQL và doanh nghiệp lữ hành.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Đại diện khu vực tư trong quản trị địa phương	- Hình ảnh minh chứng.
Hợp tác với chính phủ cấp quốc gia hoặc khu vực	+ Sự phù hợp của kế hoạch du lịch làng với chính sách du lịch khu vực và quốc gia + Tham gia và điều phối với chính sách, chương trình và cơ chế phát triển du lịch + Tham gia vào chương trình, hiệp hội và mạng lưới du lịch quốc gia/khu vực + Phương pháp toàn chính phủ: Tăng cường phối hợp giữa du lịch và các lĩnh vực chính sách liên quan khác	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.
Tham gia của cộng đồng và cư dân	+ Sự tham gia của cộng đồng địa phương được đảm bảo bởi quy định, quy trình + Gắn kết cộng đồng địa phương trong việc xây dựng và thực hiện chính sách + Chiến dịch nâng cao nhận thức về lợi ích của du lịch + Khảo sát đo lường sự hài lòng của cư dân địa phương + Bằng chứng về cải thiện đời sống hàng ngày và phúc lợi cộng đồng + Đồng dẫn dắt: Cộng đồng nông thôn được tham gia đầy đủ vào đồng dẫn dắt quá trình tham vấn và ra quyết định + Quy trình từ dưới lên: Quy trình tranh luận từ dưới lên, ra quyết định theo sự đồng thuận	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng. - Kết quả điều tra khảo sát sự hài lòng của cư dân địa phương.
Hợp tác với các tổ chức giáo dục và học thuật	+ Hợp tác với các tổ chức tri thức trong việc phát triển các cách tiếp cận và mô hình kinh doanh mới	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.

4.8. Hạ tầng và kết nối

(*Tương ứng UN Tourism: Infrastructure and Connectivity - SDGs 9, 17*)

4.8.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Đảm bảo khả năng tiếp cận thuận tiện, an toàn và hiện đại hóa hạ tầng thông tin phục vụ cả cư dân và du khách.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng có cơ sở hạ tầng để tạo thuận lợi cho tiếp cận và truyền thông, cải thiện phúc lợi cộng đồng nông thôn, phát triển kinh doanh và trải nghiệm du khách
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 4.2.1 “Yêu cầu về vị trí, thiết kế, kiến trúc, trang thiết bị, tiện nghi”

4.8.2. Nội dung hướng dẫn

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Cơ sở hạ tầng giao thông	<i>Yêu cầu cơ bản:</i> + Đảm bảo đường tiếp cận an toàn, sạch sẽ; có biển chỉ dẫn rõ ràng tại các nút giao thông chính. Dịch vụ giao thông công cộng + Tần suất đều đặn và lịch trình có sẵn + Đỗ xe thuận tiện <i>Đề xuất phát triển:</i> + Khả dụng của các phương án giao thông công cộng với tần suất hợp lý + Đối tác với các thành phố gần nhất để thúc đẩy sáng kiến giao thông công cộng chung + Đối tác với các công ty vận tải <i>Theo TCVN 13259:2020:</i> + Có khả năng tiếp cận thuận tiện từ các trục đường chính và các điểm tham quan trong khu vực có bãi xe + Đáp ứng khả năng tiếp cận cho mọi đối tượng khách du lịch, đặc biệt là người già, người khuyết tật	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.
Cơ sở hạ tầng công nghệ	<i>Yêu cầu cơ bản:</i>	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
truyền thông và số	+ Yêu cầu tối thiểu là sóng di động ổn định và có điểm truy cập wifi miễn phí tại Nhà văn hóa hoặc Trung tâm thông tin. + Bảng thông internet + Điện thoại và truyền thông. <i>Đề xuất ứng dụng:</i> + Hệ thống đặt chỗ trực tuyến + Thanh toán điện tử + Ứng dụng di động cho khách du lịch + Mã QR tại các điểm tham quan	- Hình ảnh minh chứng.
Cơ sở hạ tầng dịch vụ cơ bản	<i>Nước, năng lượng và thoát nước:</i> + Đáp ứng yêu cầu về số lượng và tiêu chuẩn + Tác động môi trường từ việc sử dụng tiềm năng quá mức + Nhiên liệu thay thế (kho chứa dầu hóa, năng lượng mặt trời) + Nguồn cung cấp nước sạch <i>Nhà vệ sinh công cộng:</i> + Có nhà vệ sinh công cộng + Nhà vệ sinh đảm bảo thoát nước tốt, sạch sẽ, có thông gió, ánh sáng và không có mùi hôi <i>Ngân hàng, bưu điện và y tế:</i> + Ngân hàng, bưu điện (đối ngoại tệ) + Y tế và đáp ứng trường hợp khẩn cấp	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.
Điểm thông tin du lịch	<i>Vị trí, thiết kế và trang thiết bị:</i> + Vị trí đảm bảo gần hoặc trong điểm DLCD + Dễ dàng nhận biết/tìm thấy với khách du lịch + Có trang thiết bị cơ bản phục vụ các hoạt động + Xây dựng, thiết kế, trang trí hài hòa với môi trường và văn hóa cộng đồng + Trưng bày, sắp xếp các hiện vật/thông tin làm nổi bật đặc trưng văn hóa	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh minh chứng.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Có khả năng tiếp cận thuận tiện từ các trục đường chính <i>Không gian:</i> + Lối vào/sảnh + Quầy dịch vụ và cung cấp thông tin + Khu vực chờ phục vụ của khách + Khu vực trưng bày hiện vật/thông tin + Khu vực hành chính, nhà kho, nhà vệ sinh <i>Quản lý và vận hành:</i> + Có người quản lý, vận hành điểm thông tin du lịch + Cung cấp đầy đủ thông tin về chất lượng và giá cả dịch vụ + Sử dụng nguồn lao động tại địa phương + Thông báo quy định về cách ứng xử, giao tiếp, hành vi và trách nhiệm với cộng đồng + Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, khiếu nại + Thiết lập quan hệ chặt chẽ với cộng đồng và các cơ sở cung ứng dịch vụ + Có phương án giải quyết/phối hợp giải quyết các tình huống phát sinh	

4.9. Y tế, an toàn và an ninh

(*Tương ứng UN Tourism: Health, Safety and Security - SDG 3*)

4.9.1. Mục tiêu và căn cứ đề xuất

Mục tiêu:

- + Thiết lập môi trường du lịch an toàn tuyệt đối, có khả năng ứng phó nhanh với các tình huống khẩn cấp.

Căn cứ:

- + Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới: Làng có hệ thống y tế, an toàn và an ninh để bảo vệ cư dân và khách du lịch
- + Liên kết TCVN 13259:2020: Mục 5.2 "An ninh, an toàn" và 5.3 "Phòng chống cháy nổ"

4.9.2. Nội dung hướng dẫn

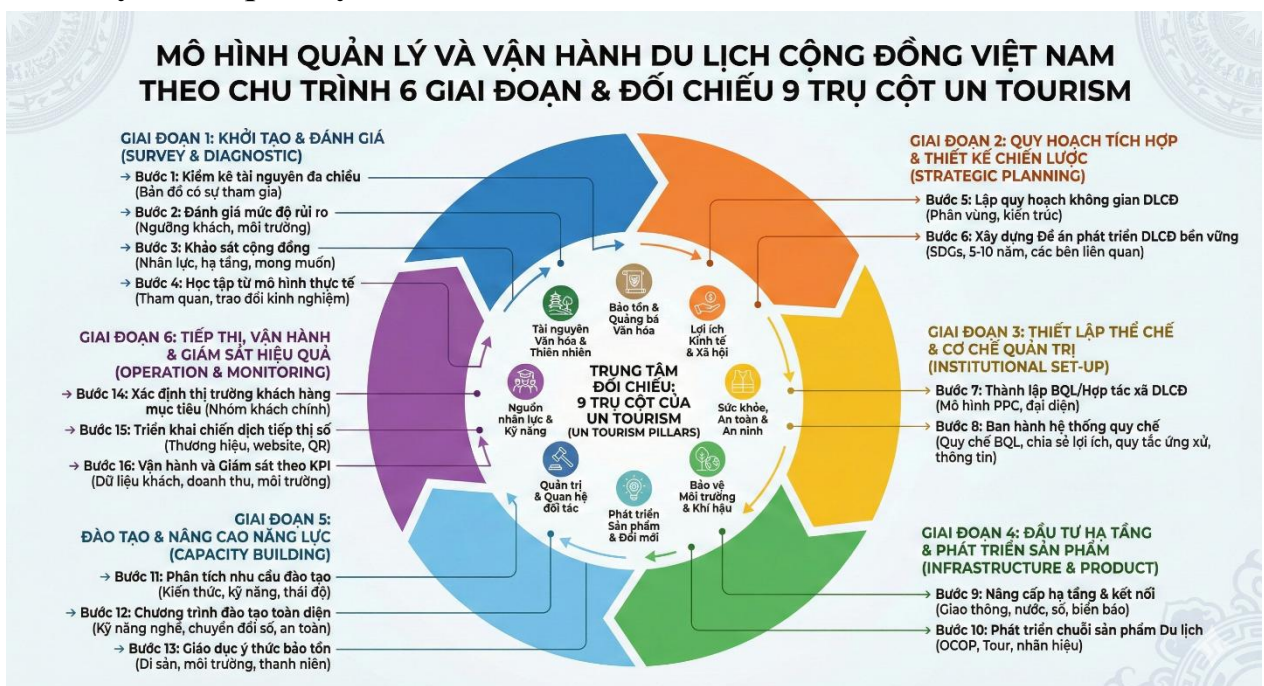
Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
Hệ thống y tế công cộng, an toàn và an ninh	+ Làng là một phần của kế hoạch/hệ thống y tế công cộng, an toàn và an ninh + Tiếp cận đầy đủ các dịch vụ khẩn cấp (công an địa phương, lính cứu hỏa, nhân viên y tế)	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Số điện thoại hotline, sơ đồ điểm thoát hiểm, sơ cứu.
An toàn và an ninh theo TCVN 13259:2020	<i>Thông tin và cảnh báo:</i> + Đảm bảo đầy đủ, chính xác thông tin về chương trình du lịch, mức độ khó khăn, các nguy cơ có thể xảy ra + Các biện pháp phòng ngừa an toàn, dịch vụ và các quyền, lợi ích hợp pháp đối với khách du lịch + Khách du lịch được thông báo ngắn gọn về các yếu tố an toàn trước khi tham gia hoạt động <i>Dịch vụ vận chuyển và hạ tầng:</i> + Cung cấp dịch vụ vận chuyển an toàn, đảm bảo an ninh, tiết kiệm chi phí + Với cơ sở tổ chức cho khách đi bộ, dã ngoại: các tuyến được đánh dấu và có biển chỉ dẫn rõ ràng + Cơ sở cơ bản tùy theo tuyến được trang bị đảm bảo an toàn: đèn hướng dẫn, mặt sàn chống trượt, phao áo cứu sinh <i>Cảnh báo rủi ro:</i> + Khuyến cáo khách du lịch về những rủi ro có thể xảy ra + Có bộ dụng cụ sơ cứu và số điện thoại khẩn cấp tại quy lý tán	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh bảng biểu chỉ dẫn. - Số điện thoại hotline.

Nội dung	Yêu cầu	Minh chứng (gợi ý)
	+ Có bảng hiển thị hướng dẫn an toàn cụ thể đối với khách du lịch + Có bảng hướng dẫn xử lý tình huống nguy cấp^[8]	
Phòng cháy nổ	+ Đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng, chống cháy nổ + Có bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy đầy đủ theo đúng quy định + Có nhân viên phụ trách vấn đề an toàn khi cần thiết^[8] + Có nhân viên phụ trách an ninh tại điểm kinh doanh dịch vụ du lịch	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan. - Hình ảnh bảng biểu chỉ dẫn. - Sơ đồ điểm sơ cứu, bằng chứng về các khóa tập huấn PCCC.
Bảo hiểm du lịch	+ Đảm bảo khách du lịch được mua bảo hiểm du lịch theo đúng quy định	- Báo cáo, văn bản, quy định liên quan.

5. QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

Quy trình quản lý và vận hành được thiết lập theo chu trình Khảo sát - Quy hoạch - Thiết lập - Đào tạo - Vận hành - Giám sát. Mỗi giai đoạn có liên hệ đối chiếu với 9 lĩnh vực của Tiêu chí Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới cũng như bối cảnh thực tiễn phát triển DLCĐ ở Việt Nam.

5.1 Quy trình quản lý



5.1.1. Giai đoạn 1: Khảo sát chiến lược và đánh giá mức độ sẵn sàng

Đây là giai đoạn nền tảng để xác định khả năng của làng và sự đồng thuận của cộng đồng.

- + *Bước 1: Kiểm kê tài nguyên của cộng đồng:* Lập danh mục tài nguyên văn hóa (vật thể/phi vật thể) và thiên nhiên (Trụ cột 1). Sử dụng phương pháp vẽ bản đồ tài nguyên có sự tham gia của cộng đồng.
- + *Bước 2: Đánh giá mức độ rủi ro:* Xác định ngưỡng tối đa về lượng khách và những rủi ro tiềm ẩn trong phát triển DLCĐ để đảm bảo không gây tổn hại đến môi trường (thiếu nước, thiếu điện, rác thải, nước thải) và cấu trúc xã hội (Trụ cột 4 & 5).
- + *Bước 3: Khảo sát cộng đồng:* Đánh giá nhân lực, nguồn lực tài chính, hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, mức độ sẵn sàng và mong muốn tham gia du lịch của người dân qua các cuộc họp thôn/bản.
- + *Bước 4: Học tập từ những mô hình thực tế:* Tổ chức tham quan, trao đổi và học tập kinh nghiệm với các mô hình đang hoạt động để hiểu được những thách thức cũng như cơ hội phát triển DLCĐ.

5.1.2. Giai đoạn 2: Quy hoạch tích hợp và thiết kế chiến lược

Giai đoạn này chuyển hóa tiềm năng thành kế hoạch bài bản.

- + *Bước 5: Lập quy hoạch không gian du lịch nông thôn:* Phân vùng khu vực bảo tồn nghiêm ngặt, khu vực phát triển dịch vụ và khu vực sản xuất nông nghiệp. Đảm bảo kiến trúc mới tuân thủ bản sắc địa phương (Trụ cột 2 & 8).
- + *Bước 6: Xây dựng Đề án phát triển DLCĐ bền vững:* Xác định mục tiêu, tầm nhìn và lộ trình phát triển trong 5-10 năm, bám sát các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) (Trụ cột 7); xác định các bên liên quan, quyết định mức độ và loại hình tham gia của cộng đồng.

5.1.3. Giai đoạn 3: Thiết lập thể chế và cơ chế quản trị

Tạo dựng bộ máy vận hành theo mô hình Đối tác Công - Tư - Cộng đồng (PPCP).

- + *Bước 7: Thành lập BQL DLCĐ/Hợp tác xã:* Cơ cấu bao gồm đại diện chính quyền (hỗ trợ pháp lý), doanh nghiệp lữ hành đối tác (kết nối thị trường) và đại diện các tổ nhóm chuyên môn trong làng (vận hành trực tiếp) (Trụ cột 7). Lưu ý trước khi có Ban Quản lý chính thức, cần thành lập một nhóm nòng cốt để dẫn dắt các giai đoạn đầu.
- + *Bước 8: Ban hành hệ thống quy chế nội bộ:*
 - Quy chế hoạt động của BQL.
 - Cơ chế chia sẻ lợi ích minh bạch: Quy định tỷ lệ đóng góp vào Quỹ phát triển cộng đồng (Trụ cột 3).
 - Bộ quy tắc ứng xử cho người dân và du khách (Trụ cột 4).
 - Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin.

5.1.4. Giai đoạn 4: Đầu tư hạ tầng, phát triển sản phẩm.

Giai đoạn làm mới điểm đến dựa trên nền tảng sẵn có và đổi mới sáng tạo.

- + *Bước 9: Nâng cấp hạ tầng và kết nối:* Cải thiện đường giao thông, hệ thống nước sạch, vệ sinh môi trường, bãi đỗ xe, biển báo chỉ dẫn, phủ sóng kết nối số (Trụ cột 8 & 9).
- + *Bước 10: Phát triển chuỗi sản phẩm Du lịch:* Thiết kế các sản phẩm, dịch vụ, chương trình trải nghiệm độc đáo dựa trên nông nghiệp/làng nghề. Xây dựng thương hiệu sản phẩm quà tặng địa phương gắn với OCOP (Trụ cột 6). Đăng ký nhãn hiệu sản phẩm.

5.1.5. Giai đoạn 5: Đào tạo và nâng cao năng lực

Chuẩn hóa nhân lực địa phương theo phương châm chuyên nghiệp hóa nhân lực.

- + *Bước 11: Phân tích nhu cầu đào tạo:* Tiến hành phân tích trụ cột kiến thức, kỹ năng, thái độ cần nâng cao năng lực của cộng đồng.
- + *Bước 12: Chương trình đào tạo toàn diện:* Tập huấn kỹ năng nghề (Homestay, phục vụ ăn uống, hướng dẫn viên, biểu diễn nghệ thuật) theo chuẩn TCVN 13259:2020. Đào tạo về chuyển đổi số, an toàn thực phẩm và sơ cấp cứu (Trụ cột 4, 6 & 9).
- + *Bước 13: Giáo dục ý thức bảo tồn:* Nâng cao nhận thức cho người dân và thanh niên về giá trị của di sản và bảo vệ môi trường (Trụ cột 2 & 5).

5.1.6. Giai đoạn 6: Tiếp thị, vận hành và giám sát hiệu quả

Đưa sản phẩm ra thị trường và kiểm soát chất lượng bền vững.

- + *Bước 14: Xác định thị trường khách hàng mục tiêu:* Cần xác định được đối tượng khách du lịch là nhóm khách hàng mục tiêu (nhóm khách hàng chính) của mình để từ đó đưa ra các hoạt động marketing phù hợp
- + *Bước 15: Triển khai chiến dịch tiếp thị số:* Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu làng; vận hành Website, mạng xã hội và mã QR thông tin điểm đến (Trụ cột 6).
- + *Bước 16: Vận hành và giám sát theo KPI:* Thực hiện thu thập dữ liệu định kỳ về lượng khách, doanh thu, mức độ hài lòng của khách và biến động môi trường. Điều chỉnh quy trình dựa trên kết quả giám sát thực tế (Trụ cột 3 & 7).

Bảng tổng hợp phân công trách nhiệm theo quy trình

Giai đoạn (Phases)	Cơ quan Quản lý Nhà nước	Cộng đồng địa phương	Khu vực Tư nhân / Doanh nghiệp
Phase 1: Khảo sát chiến lược và đánh giá mức độ sẵn sàng	Định hướng quy hoạch chiến lược; thẩm định và phê duyệt bản đồ quy hoạch/phân khu.	Cung cấp dữ liệu tài nguyên và tri thức bản địa; tham gia biểu quyết và xây dựng sự đồng thuận.	Tư vấn nhu cầu thị trường; đánh giá tính khả thi và phân tích khả năng tồn tại của dự án.
Phase 2: Lập kế hoạch tích hợp và thiết kế chiến lược	Hướng dẫn khung pháp lý và mục tiêu phát triển bền vững địa phương.	Đóng góp ý kiến về phân khu chức năng và giữ gìn bản sắc kiến trúc.	Phối hợp xây dựng lộ trình phát triển (roadmap) và xác định các bên liên quan.
Phase 3: Thiết lập thể chế và cơ chế quản trị	Cấp phép pháp lý và các thủ tục hành chính; hướng dẫn thành lập Ban quản lý/Hợp tác xã.	Chủ động tham gia vào Ban quản lý điểm đến (DMO/BQL); xây dựng quy chế nội bộ.	Hỗ trợ mô hình quản trị; kết nối thị trường và tư vấn cơ chế chia sẻ lợi ích.
Phase 4: Đầu tư hạ tầng và phát triển sản phẩm	Hỗ trợ tài chính cho hạ tầng khung (đường xá, điện lưới, xử lý rác thải).	Đóng góp vốn và ngày công; nâng cấp homestay; duy trì vệ sinh môi trường.	Đầu tư hạ tầng dịch vụ chuyên biệt; thiết kế và phát triển các tour du lịch trải nghiệm.
Phase 5: Đào tạo và nâng cao năng lực	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng nghề; cấp chứng chỉ/văn bằng chuyên môn.	Trực tiếp tham gia đào tạo; tiếp nhận chuyển giao quy trình phục vụ.	Đào tạo chuyển giao quy trình và tiêu chuẩn vận hành; hướng dẫn chuyển đổi số.
Phase 6: Tiếp thị, vận hành và giám sát hiệu quả	Thanh tra, kiểm tra an ninh, y tế, vệ sinh; quản lý thương hiệu và nhãn hiệu du lịch.	Trực tiếp cung cấp dịch vụ; ghi chép dữ liệu và tiếp nhận/xử lý phản hồi của khách.	Quảng bá thương hiệu và tiếp thị điểm đến; thực hiện các sáng kiến chuyển đổi số; kết nối luồng khách.

5.2. Nội dung giám sát và đánh giá

5.2.1. Các khía cạnh giám sát

Tác động môi trường

- + Tình trạng tài nguyên tự nhiên
- + Chất lượng không khí, nước, đất
- + Quản lý chất thải
- + Tiêu thụ năng lượng

Tác động kinh tế

- + Doanh thu từ du lịch
- + Thu nhập của hộ gia đình tham gia (tỷ lệ hộ dân tham gia và hưởng lợi)
- + Việc làm được tạo ra
- + Đóng góp vào ngân sách địa phương

Tác động văn hóa

- + Bảo tồn di sản văn hóa
- + Truyền tải tri thức truyền thống
- + Tổ chức các hoạt động văn hóa

Tác động xã hội

- + Mức độ tham gia của cộng đồng
- + Sự hài lòng của cư dân địa phương
- + Sự hài lòng của du khách
- + Tính công bằng trong phân phối lợi ích
- + Trao quyền cho phụ nữ và thanh niên

Các khía cạnh giám sát khác

- + Về hoạt động và hiệu quả của Ban quản lý DLCĐ
- + Chuỗi giá trị du lịch, sản phẩm du lịch
- + Cơ chế hợp tác đa bên
- + Phát triển hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch
- + An ninh, an toàn và y tế trong phát triển DLCĐ

5.2.2. Công cụ thu thập thông tin

- + Phiếu câu hỏi điều tra: Khảo sát du khách và cộng đồng
- + Hình ảnh: Ghi lại các thay đổi và phát triển
- + Thảo luận và phân tích: Hợp định kỳ với các bên liên quan
- + Phỏng vấn: Phỏng vấn sâu với các đối tượng chủ chốt

5.2.3. Báo cáo định kỳ

Theo yêu cầu UN Tourism:

- + Mỗi hai năm, làng được công nhận cần cung cấp Báo cáo về các hoạt động chính được thực hiện phù hợp với 9 lĩnh vực đánh giá.
- + Các làng khác chưa được công nhận nên có báo cáo nội bộ hàng năm ngắn gọn (2-3 trang) để tự đánh giá và có các kiến nghị đề xuất với cấp trên (nếu có)

Nội dung báo cáo nên bao gồm:

- + Tóm tắt các hoạt động đã triển khai
- + Kết quả đạt được (định lượng và định tính)
- + Các thách thức gặp phải
- + Bài học kinh nghiệm
- + Kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo

6. HỖ TRỢ VÀ NGUỒN LỰC

6.1. Hỗ trợ từ UN Tourism

6.1.1. Mạng lưới Làng Du lịch Tốt nhất (Best Tourism Villages)

- + Làng được công nhận và làng trong chương trình nâng cấp tự động trở thành thành viên mạng lưới
- + Không gian trao đổi kinh nghiệm và thực hành tốt
- + Cơ hội học hỏi và chia sẻ

6.1.2 Chương trình Nâng cấp (Upgrade Programme)

- + Hỗ trợ cho các làng chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chí
- + Mentorship (Hướng dẫn) được cá nhân hóa
- + Báo cáo khuyến nghị với các hành động và hoạt động thích hợp
- + Lộ trình nhanh: Cơ hội đánh giá lại trong vòng 3 năm

6.1.3. Nền tảng trực tuyến TourismConnectsRural

- + Công cụ trực tuyến cho các thành viên Mạng lưới
- + Nơi hội tụ, kết nối, trao đổi và hợp tác
- + Chia sẻ thông tin và kinh nghiệm
- + Học hỏi từ các đồng nghiệp và chuyên gia ngành hàng đầu

6.2. Tài liệu tham khảo quan trọng

6.2.1 Tài liệu của UN Tourism

- + UNWTO Recommendations on Tourism and Rural Development
- + Best Tourism Villages Terms and Conditions
- + Best Tourism Villages Guidelines for Applications

- + Best Tourism Villages Areas of Evaluation
- + Indicators of Sustainable Development for Tourism Destinations

6.2.2. Tiêu chuẩn và hướng dẫn khác

- + TCVN 13259:2020 - DLCĐ: Yêu cầu về chất lượng dịch vụ
- + Tài liệu Hướng dẫn phát triển DLCĐ Việt Nam
- + Các mục tiêu Phát triển Bền vững Toàn cầu của Liên Hợp Quốc
- + Green Destinations Standard
- + APEC Handbook on Community Based Tourism
- + Sustainability programme Swisstainable. Manual sustainability credentials

6.3. Đào tạo và xây dựng năng lực

6.3.1. Các chủ đề đào tạo ưu tiên:

- + Quản lý tài chính và nguồn nhân lực
- + Kỹ năng làm việc và đàm phán với công ty du lịch
- + Kỹ năng tiếp thị (5P)
- + Quản lý xung đột và giao tiếp đa văn hóa
- + Quản lý văn hóa và môi trường
- + Ngôn ngữ (đặc biệt tiếng Anh)
- + Vận hành các nhóm chức năng
- + Quản lý du khách và chăm sóc khách hàng

6.3.2. Phương pháp đào tạo hiệu quả:

- + Vừa học vừa làm: Kết quả dài hạn hơn so với đào tạo ngắn hạn
- + Kết nối kiến thức với cơ hội thực tế
- + Tài liệu phù hợp với văn hóa địa phương: Viết bằng tiếng bản xứ
- + Tạo không gian cho phát triển của phụ nữ
- + Tránh hệ lụy trong quản lý tài chính: Đào tạo kỹ năng và năng lực
- + Đánh giá kỹ năng định kỳ
- + Kỹ năng đa dạng: Luân chuyển vị trí công tác

7. PHỤ LỤC

7.1. Bảng kiểm tra theo 9 tiêu chí UN Tourism

(Đề xuất bảng kiểm tra chi tiết cho từng nội dung, có thể phát triển thành công cụ tự đánh giá)

Trụ cột & nội dung đánh giá	Xác nhận	Minh chứng cần chuẩn bị
Trụ cột 1: Tài nguyên văn hóa và tài nguyên thiên nhiên		
1.1. Làng có danh mục kiểm kê di sản văn hóa vật thể và phi vật thể?		Danh mục, ảnh tư liệu.
1.2. Có tài nguyên nào được cấp bằng xếp hạng (Quốc gia/tỉnh/quốc tế)?		Bản sao Quyết định xếp hạng di tích/di sản.
1.3. Cảnh quan thiên nhiên có bản đồ khoanh vùng bảo vệ?		Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của xã.
Trụ cột 2: Thúc đẩy và bảo tồn tài nguyên văn hóa		
2.1. Có quy định về kiến trúc truyền thống cho homestay xây mới?		Quy chế quản lý kiến trúc của làng.
2.2. Có các lớp truyền dạy văn hóa/nghề/tri thức cho thế hệ trẻ hàng năm?		Kế hoạch đào tạo, ảnh lớp học.
2.3. Các hoạt động văn nghệ có giữ đúng tính bản nguyên (gốc)?		Video trình diễn, danh sách nghệ nhân.
2.4. Có các hoạt động trình diễn văn hóa, sáng tạo các sản phẩm dựa trên văn hóa?		Video, hình ảnh trình diễn.
Trụ cột 3: Bền vững về kinh tế		
3.1. Có các chính sách hỗ trợ tài chính/thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ không?		Danh sách các cá nhân/đơn vị nhận hỗ trợ.
3.2. Có các chính sách hỗ trợ khác thuận lợi (Ví dụ: Thủ tục hành chính, kết nối thị trường...)?		Các minh chứng khác liên quan tới chính sách, cơ chế.
3.3. Có cơ chế trích lập và phân chia Quỹ DLCD minh bạch?		Quy chế quỹ, sổ thu chi công khai.
3.4. Có nguyên liệu thực phẩm được mua tại làng?		Hóa đơn/Nhật ký thu mua địa phương.
3.5. Có các tổ nhóm sở thích (tổ nấu ăn, tổ xe ôm, tổ dệt...)?		Quyết định thành lập các tổ nhóm.
Trụ cột 4: Bền vững về xã hội		

Trụ cột & nội dung đánh giá	Xác nhận	Minh chứng cần chuẩn bị
4.1. Có sự tham gia của phụ nữ trong Ban quản lý?		Danh sách Ban quản lý.
4.2. Có minh chứng về việc thanh niên quay về làng khởi nghiệp?		Danh sách các chủ hộ trẻ (dưới 35 tuổi).
4.3. Làng có Bộ quy tắc ứng xử cho du khách?		Bảng nội quy niêm yết tại các điểm.
4.4. Tỷ lệ thanh niên và phụ nữ làm chủ doanh nghiệp du lịch, tham gia hoạt động du lịch?		Các dữ liệu định lượng, hoặc báo cáo cụ thể.
4.5. Các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động trong lĩnh vực du lịch?		Các dữ liệu định lượng, hoặc báo cáo cụ thể.
Trụ cột 5: Bền vững về môi trường		
5.1. Có hệ thống phân loại rác thải tại nguồn cho 100% homestay?		Hình ảnh thùng rác phân loại, quy trình xử lý.
5.2. Làng có quy định cấm/hạn chế nhựa dùng một lần?		Văn bản cam kết của các hộ kinh doanh.
5.4. Có biện pháp tiết kiệm nước?		Hình ảnh.
5.5. Có hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi xả thải?		Sơ đồ hệ thống thoát nước, kết quả kiểm định.
5.6. Hệ thống chiếu sáng công cộng (có sử dụng năng lượng mặt trời/tiết kiệm điện không?)		Hình ảnh chụp hệ thống chiếu sáng, tiết kiệm năng lượng (nếu có).
Trụ cột 6: Phát triển du lịch và tích hợp chuỗi giá trị		
6.1. Làng có kết nối với điểm đến du lịch, hệ thống du lịch nào không?		Bản đồ kết nối. Chương trình du lịch.
6.2. Có sản phẩm OCOP nào có chỉ dẫn địa lý không?		Giấy chứng nhận OCOP.
6.3. Có các sản phẩm dịch vụ du lịch (hướng dẫn, tham quan, ăn uống, biểu diễn nghệ thuật...) không?		Hình ảnh, video minh họa.
6.4. Có hệ thống mã QR thuyết minh điểm đến và đặc sản?		Hình ảnh mã QR thực tế tại điểm tham quan.
6.5. Có hợp đồng hợp tác với các doanh nghiệp lữ hành uy tín?		Bản sao Hợp đồng/Biên bản ghi nhớ (MOU).

Trụ cột & nội dung đánh giá	Xác nhận	Minh chứng cần chuẩn bị
6.6. Tỷ lệ các cơ sở lưu trú có sự hiện diện và giao dịch trên các kênh phân phối số (OTA, Booking, Agoda, mạng xã hội..)?		Báo cáo về cơ sở lưu trú có thực hiện giao dịch trên các kênh phân phối số.
Trụ cột 7: Quản trị & ưu tiên cho du lịch		
7.1. Điều hành chính công tác quản trị du lịch là ai?		Quyết định, quy định.
7.2. Có Ban quản lý DLCĐ chính thức với cơ cấu 3 bên (PPCP)?		Quyết định thành lập Ban quản lý.
7.3. Du lịch có nằm trong Nghị quyết phát triển hàng năm của xã?		Trích lục Nghị quyết HĐND/UBND xã.
7.4. Có tổ chức họp cộng đồng để lấy ý kiến về du lịch hàng quý?		Biên bản các cuộc họp thôn/bản.
7.5. Có hợp tác với các đơn vị, tổ chức khác không?		Biên bản, hợp đồng, quy chế hợp tác
Trụ cột 8: Hạ tầng & kết nối		
8.1. Có thể tiếp cận làng bằng hệ thống giao thông nào?		Hình ảnh.
8.2. Đường tiếp cận đảm bảo an toàn cho mọi đối tượng khách?		Ảnh chụp hiện trạng hạ tầng giao thông.
8.3. Hệ thống Wifi/4G có phủ sóng ổn định tại khu vực dịch vụ?		Kết quả đo tốc độ mạng (Speedtest).
8.4. Hệ thống biển chỉ dẫn du lịch có song ngữ (Việt - Anh)?		Hình ảnh biển báo, biển chỉ dẫn.
8.5. Có điểm chỉ dẫn, cung cấp thông tin du lịch không?		Hình ảnh, thông tin.
Trụ cột 9: Y tế, an ninh và an toàn		
9.1. Nhân lực được tập huấn sơ cấp cứu và PCCC?		Giấy chứng nhận/Danh sách tập huấn.
9.2. Có quy trình ứng phó tình huống khẩn cấp (y tế, tai nạn)?		Sơ đồ quy trình ứng phó khẩn cấp.
9.3. 100% cơ sở ăn uống có cam kết vệ sinh an toàn thực phẩm?		Bản cam kết/Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
9.4. Môi trường an ninh, an toàn của làng có tốt không?		Báo cáo về trật tự an ninh, an toàn.

7.2. Mẫu biểu và tài liệu tham khảo

7.2.1 Mẫu Quy chế hoạt động DLCĐ

- + Tổ chức hoạt động
- + Ban Quản lý DLCĐ
- + Các nhóm chức năng
- + Phân phối lợi ích kinh tế
- + Quỹ DLCĐ
- + Mức giá các dịch vụ

7.2.2. Mẫu Nội quy về hoạt động DLCĐ

- + Nội quy dành cho cộng đồng
- + Nội quy dành cho khách du lịch
- + Nội quy dành cho công ty lữ hành và hướng dẫn viên

7.2.3. Mẫu Cam kết đảm bảo vệ sinh chuẩn phục vụ DLCĐ

7.2.4. Mẫu Phiếu điều tra sự hài lòng của khách du lịch

(Theo Phụ lục B TCVN 13259:2020)

8. THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BTV	Best Tourism Villages (Làng Du lịch tốt nhất)
CBT	Community-Based Tourism
DLCĐ	Du lịch cộng đồng
DMO	Destination Management Organization (Tổ chức quản lý điểm đến)
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GIAHS	Globally Important Agricultural Heritage Systems (Hệ thống Di sản Nông nghiệp Toàn cầu)
GSTC	Global Sustainable Tourism Council (Hội đồng Du lịch Bền vững Toàn cầu)
KPI	Key Performance Indicators (Chỉ số đo lường hiệu suất chính)
OCOP	One Commune One Product (Một xã một sản phẩm)
PPCP	Public-Private-Community Partnership (Đối tác Công-Tư-Cộng đồng)
SDG	Sustainable Development Goal (Mục tiêu Phát triển Bền vững)
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UN	United Nations World Tourism Organization (Tổ chức Du lịch
Tourism/UNWTO	Thế giới của Liên Hợp Quốc)

KẾT LUẬN

Hướng dẫn này cung cấp một cách tiếp cận toàn diện, có hệ thống để quản lý và phát triển các điểm đến DLCĐ bền vững tại Việt Nam, phù hợp với tiêu chuẩn *Làng Du lịch Tốt nhất của Tổ chức Du lịch Thế giới (Best Tourism Villages by UN Tourism)*. Bằng cách tích hợp sâu sắc 09 lĩnh vực đánh giá của UN Tourism với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13259:2020 và kinh nghiệm thực tiễn trong nước, hướng dẫn này thiết lập một lộ trình phát triển mà ở đó, du lịch không còn là một hoạt động khai thác tài nguyên đơn thuần, mà trở thành công cụ chủ động để bảo tồn di sản và thúc đẩy sự phát triển bao trùm.

Sự thành công của mô hình DLCĐ phụ thuộc vào ba yếu tố quyết định:

1. *Quyền làm chủ thực chất của cộng đồng*: Đảm bảo người dân không chỉ tham gia cung cấp dịch vụ mà còn là người trực tiếp ra quyết định trong Ban quản lý và được thụ hưởng lợi ích công bằng từ Quỹ DLCĐ.
2. *Đổi mới sáng tạo trong bảo tồn*: Việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi xanh và phát triển sản phẩm phù hợp với định hướng OCOP chính là chìa khóa để hiện đại hóa nông thôn mà không đánh mất đi "hồn cốt" bản sắc văn hóa bản địa.
3. *Hợp tác đa bên (PPCP)*: Sự gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền, cộng đồng và doanh nghiệp lũy hành uy tín sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp để nâng cấp chuỗi giá trị và kết nối hiệu quả với thị trường du khách có trách nhiệm.

Du lịch cần trở thành công cụ thực sự để cải thiện đời sống, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường, đồng thời đảm bảo rằng lợi ích được phân phối công bằng và cộng đồng có tiếng nói quyết định trong quá trình phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Bộ Khoa học và Công nghệ (2020). *TCVN 13259:2020 DLCĐ – Yêu cầu về chất lượng dịch vụ*.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024). *Quyết định số 3222/QĐ-BVHTTDL phê duyệt Đề án Phát triển DLCĐ tại Việt Nam*.

Chương trình Phát triển Năng lực Du lịch có Trách nhiệm với Môi trường và Xã hội (ESRT) & Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) (2013). *Sổ tay DLCĐ Việt Nam: Phương pháp tiếp cận dựa vào thị trường*.

Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 922/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*.

Viện Nghiên cứu và Phát triển Ngành nghề Nông thôn Việt Nam (2012). *Tài liệu Hướng dẫn Phát triển DLCĐ*.

Tiếng Anh

APEC (2009). *Handbook on Community Based Tourism "How to Develop and Sustain CBT"*

- ASEAN Secretariat (2022). *ASEAN Community Based Tourism Standard*.
- Global Sustainable Tourism Council (GSTC). (2019). *GSTC Destination Criteria Version 2.0*.
- Green Destinations (2022). *Handbook for Sustainable Destination Management*
- Swiss Tourism Federation (2025). *Sustainability programme Swisstainable: Manual sustainability credentials (v.23)*.
- UNDP (2015). *The 17 Sustainable Development Goals (SDGs)*
- UN Tourism (2025a). *Best Tourism Villages by UN Tourism: Areas of Evaluation*. Madrid: World Tourism Organization.
- UN Tourism (2025b). *Best Tourism Villages by UN Tourism: Terms and Conditions*. Madrid: World Tourism Organization.
- UN Tourism (2025c). *Best Tourism Villages by UN Tourism: Application Form (2025 Edition)*. Madrid: World Tourism Organization.
- UN Tourism (2025d). *Best Tourism Villages Initiative: Media Brief*. Madrid: World Tourism Organization.
- World Tourism Organization (UNWTO) (2020). *Recommendations on Tourism and Rural Development - A Guide to Making Tourism an Effective Tool for Rural Development*
- World Tourism Organization (UNWTO). (2021). *Best Tourism Villages by UNWTO: Guidelines for Applications*. Madrid: World Tourism Organization.